

Số: 206/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển giai đoạn 2015-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 08 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển giai đoạn 2015 - 2020 là cơ sở cho các tỉnh, thành phố làm căn cứ lựa chọn để phát triển dược liệu tại địa phương.

Điều 2. Đối với các dược liệu ngoài danh mục kèm theo Quyết định này, Bộ Y tế sẽ căn cứ vào nhu cầu sử dụng và phát triển dược liệu để bổ sung vào danh mục dược liệu được ưu tiên và khuyến khích phát triển.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Y Dược cổ truyền, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cục Quản lý Dược; Cục KHCN & ĐT;
- Viện Dược liệu;
- Trường Đại học dược Hà Nội;
- Trường Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh;
- Tổng Công ty dược Việt Nam;
- UBND các tỉnh và TP trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh và TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, YDCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quang Cường

Phụ lục
DANH MỤC CÂY DƯỢC LIỆU ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 206/QĐ-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2015)

STT	Tên cây/dược liệu	Tên khoa học
1	Actisô	<i>Cynara scolymus</i> L., Asteraceae
2	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How., Rubiaceae
3	Bạc hà	<i>Mentha arvensis</i> L., Lamiaceae
4	Bạch chỉ	<i>Angelica dahurica</i> (Fisch. ex Hoffm.) Benth. et Hook.f.; <i>A. dahurica</i> (Fisch. ex Hoffm.) Benth. et Hook. f. var. <i>formosana</i> (Boiss.) Shan et Yuan, Apiaceae
5	Bạch truật	<i>Atractylodes macrocephala</i> Koidz, Asteraceae
6	Bình vôi	<i>Stephania glabra</i> (Roxb.) Miers, Menispermaceae
7	Bụp giấm	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L, Malvaceae
8	Cát cánh	<i>Platycodon grandiflorum</i> (Jacq.) A. DC., Campanulaceae
9	Cúc hoa vàng	<i>Chrysanthemum indicum</i> L., Asteraceae
10	Đại hồi	<i>Illicium verum</i> Hook.f., Illiciaceae
11	Đảng sâm	<i>Codonopsis pilosula</i> (Franch.) Nannf.; <i>C. javanica</i> (Blume) Hook.f., Campanulaceae
12	Đậu ván trắng	<i>Lablab purpureus</i> (L.) Sweet, Fabaceae
13	Địa liền	<i>Kaempferia galanga</i> L, Zingiberaceae
14	Diệp hạ châu	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.; <i>P. amarus</i> Schum. et Thomn., Euphorbiaceae
15	Đinh lăng	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms, Araliaceae
16	Đỗ trọng	<i>Eucommia ulmoides</i> Oliv. Eucommiaceae
17	Độc hoạt	<i>Angelica pubescens</i> Maxim, Apiaceae
18	Dừa cạn	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G. Don, Apocynaceae
19	Dương cam cúc	<i>Matricaria chamomilla</i> L, Asteraceae
20	Đương quy	<i>Angelica sinensis</i> (Oliv.) Diels, Apiaceae
21	Gấc	<i>Momordica cochinchinensis</i> (Lour) Spreng. Cucurbitaceae
22	Giảo cổ lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino, Cucurbitaceae
23	Gừng	<i>Zingiber officinale</i> Rosc, Zingiberaceae
24	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson, Polygonaceae
25	Hoa hòe	<i>Styphnolobium japonicum</i> (L.) Schott, Fabaceae
26	Hoài sơn	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill, Dioscoreaceae
27	Hoàn ngọc	<i>Pseuderanthemum palatiferum</i> (Nees) Radlk., Acanthaceae
28	Hoàng bá	<i>Phellodendron</i> spp. (<i>Phellodendron amurense</i> Rupr.; <i>P. chinensis</i> Schneid.), Rutaceae

STT	Tên cây/dược liệu	Tên khoa học
29	Hương nhu trắng	<i>Ocimum gratissimum</i> L, Lamiaceae
30	Huyền sâm	<i>Scrophularia buegeriana</i> Miq.; <i>Scrophularia ningpoensis</i> Hemsl., Scrophulariaceae
31	Ích mẫu	<i>Leonurus japonicus</i> Houtt., Lamiaceae
32	Kim tiền thảo	<i>Desmodium styracifolium</i> (Osbeck) Merr., Fabaceae
33	Mã đề	<i>Plantago major</i> L, Plantaginaceae
34	Mộc hương	<i>Aucklandia lappa</i> DC, Asteraceae
35	Nghệ	<i>Curcuma longa</i> L., Zingiberaceae
36	Ngưu tất	<i>Achyranthes bidentata</i> Blume, Amaranthaceae
37	Nhàu	<i>Morinda citrifolia</i> L, Rubiaceae
38	Ô đầu	<i>Aconitum</i> spp. (<i>Aconitum fortunei</i> Hemsl.; <i>A. carmichaeli</i> Debx.), Ranunculaceae
39	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i> Presl.; <i>Cinnamomum</i> spp., Lauraceae
40	Rau đắng biển	<i>Bacopa monnieri</i> (L.) Wettst, Scrophulariaceae
41	Râu Mèo	<i>Orthosiphon spiralis</i> (Lour.) Merr, Lamiaceae
42	Sá	<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf Poaceae
43	Sa nhân	<i>Amomum villosum</i> Lour. / <i>Amomum longiligulare</i> T.L.Wu Zingiberaceae
44	Sâm Ngọc linh	<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv, Araliaceae
45	Sinh địa	<i>Rehmannia glutinosa</i> (Gaertn.) Libosch., Scrophulariaceae
46	Tam thất	<i>Panax notoginseng</i> (Burkill) F. H Chen, Araliaceae
47	Thanh hao hoa vàng	<i>Artemisia annua</i> Asteraceae
48	Trạch tả	<i>Alisma plantago - aquatica</i> L, Alismatalaceae
49	Tràm	<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell, Myrtaceae
50	Trinh nữ hoàng cung	<i>Crimum latifolium</i> L., Amaryllidaceae
51	Tục đoạn	<i>Dipsacus japonicus</i> Miq., Dipsacaceae
52	Xuyên khung	<i>Ligusticum wallichii</i> Franch., Apiaceae
53	Xuyên tâm liên	<i>Andrographis paniculata</i> (Burm. f.) Wall. ex Nees, Acanthaceae
54	Ý dĩ	<i>Coix lachryma-Jobi</i> L., Poaceae

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Quang Cường